

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CỦA CÔNG TY CP FLC GOLFNET (NAY LÀ CÔNG TY
CP LIÊN DOANH ĐẦU TƯ QUỐC TẾ FLC)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K



MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban giám đốc	1 – 3
2	Báo cáo kiểm toán	4
3	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>	5 – 6
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	7
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	8 – 9
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính</i>	10 – 22
	<i>Phụ lục số 01</i>	23

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DOANH ĐẦU TƯ QUỐC TẾ FLC

Tầng 5, tòa nhà FLC Land Mark Tower, Lê Đức Thọ, Từ Liêm, HN *Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc*

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Liên doanh đầu tư quốc tế FLC trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần FLC Golfnet (hiện nay là Công ty Cổ phần Liên doanh đầu tư quốc tế FLC) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Liên doanh đầu tư quốc tế FLC (sau đây viết tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Dịch vụ, Thương mại và Đầu tư Tân Mỹ Đình, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0104168889 ngày 18 tháng 09 năm 2009, thay đổi lần thứ 11 ngày 26 tháng 11 năm 2012.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, thương mại và dịch vụ

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 5, tòa nhà FLC Land Mark Tower, đường Lê Đức Thọ, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2011: 5.000.000.000 VND (Năm tỷ đồng chẵn).

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tại ngày lập báo cáo tài chính:

Hội đồng quản trị:

Ông Nguyễn Thanh Bình	Chủ tịch	Bầu ngày 13 tháng 12 năm 2010 Miễn nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2012 Hiện là thành viên của Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch	Bầu ngày 15 tháng 07 năm 2012 Bầu ngày 25 tháng 02 năm 2012 Miễn nhiệm ngày 15 tháng 06 năm 2012
Ông Lê Đình Vinh	Chủ tịch	Bầu ngày 15 tháng 06 năm 2012
Ông Doãn Văn Phương	Thành viên	Bầu ngày ngày 15 tháng 07 năm 2012
Ông Lê Tân Sơn	Thành viên	Bầu ngày ngày 20 tháng 05 năm 2013
Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	Bầu ngày ngày 20 tháng 05 năm 2013

Ban Tổng Giám đốc

Bà Trịnh Thị Minh Huế	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 12 năm 2010 Bãi nhiệm ngày 15 tháng 06 năm 2012
Ông Trần Xuân Huy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 06 năm 2012 Bãi nhiệm ngày 03 tháng 10 năm 2012
Ông Lê Đình Vinh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 10 năm 2012

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được Hội đồng quản trị lựa chọn là đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính cho năm 2011 cho Công ty Cổ phần FLC Golfnet (hiện nay là Công ty Cổ phần Liên doanh đầu tư quốc tế FLC).

Kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011 được Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm từ trang 05 đến trang 23 kèm theo. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011 lãi: 81.287.494 VND.

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán

Theo Biên bản họp số 01/BB-ĐHĐCĐ-FLCGOLF của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần FLC Golfnet ngày 25 tháng 02 năm 2012, Công ty thực hiện đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần FLC Travel. Đồng thời thực hiện việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên thành 50.000.000.000 đồng (*Năm mươi tỷ đồng*) bằng việc phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DOANH ĐẦU TƯ QUỐC TẾ FLC

Tầng 5, tòa nhà FLC Land Mark Tower, Lê Đức Thọ, Từ Liêm, HN Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

tỷ lệ cổ phần hiện tại. Đến ngày 25 tháng 05 năm 2012, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ nêu trên.

Theo Quyết định số 06/QĐ-ĐHĐCĐ-FLCTRAVEL ngày 15 tháng 06 năm 2012 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần FLC Travel, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 đồng lên thành 80.000.000.000 đồng bằng việc phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ cổ phần hiện tại. Đến ngày 23 tháng 08 năm 2012, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ nêu trên.

Theo Quyết định số 08/QĐ-ĐHĐCĐ-FLCTRAVEL ngày 04 tháng 09 năm 2012 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần FLC Tralvel, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 80.000.000.000 đồng lên thành 260.000.000.000 đồng bằng việc phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ cổ phần hiện tại. Đến ngày 29 tháng 09 năm 2012, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ nêu trên.

Ngày 19 tháng 09 năm 2012, Công ty thực hiện thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty và đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Du lịch FLC.

Ngày 18 tháng 10 năm 2012, Công ty thực hiện thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty và đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Liên doanh đầu tư quốc tế FLC (FLC Global).

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 11/BB-ĐHĐCĐ-FLCGLBAL ngày 19 tháng 11 năm 2012, Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC (Cổ đông sáng lập của Công ty) đã thực hiện chuyển nhượng 14.196.000 cổ phần, trị giá 141.960.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi một tỷ chín trăm sáu mươi triệu đồng), chiếm 54,6% vốn điều lệ của Công ty FLC Global cho các nhà đầu tư có nhu cầu. Sau khi chuyển nhượng, tổng số cổ phần Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC còn nắm giữ là 5.460.000 cổ phần, trị giá 54.600.000.000 đồng, chiếm 21% vốn điều lệ Công ty FLC Global.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DOANH ĐẦU TƯ QUỐC TẾ FLC

Tầng 5, tòa nhà FLC Land Mark Tower, Lê Đức Thọ, Từ Liêm, HN Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2013

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



LÊ ĐÌNH VINH



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K

THANG LONG - T.D.K AUDITING AND CONSULTANT COMPANY

Trụ sở chính tại Hà Nội	: Số 23 Đỗ Quang, Cầu Giấy, Hà Nội	- Tel: (04)6 251 0008	- Fax: (04)6 251 1327
Chi nhánh Miền nam	: C14, Quang Trung, phường 11	- Tel: (08)3 589 7462	- Fax: (08)3 589 7464
Chi nhánh Quận 1 - TP. HCM	: Số 28 Đặng Tất, quận 1, TP. HCM	- Tel: (08)3 848 0763	- Fax: (08)3 526 7187
Chi nhánh Đà Nẵng	: Số 42 Trần Tông, TP. Đà Nẵng	- Tel: (0511)3 651 818	- Fax: (0511)3 651 868
Chi nhánh Lạng Sơn	: Tô 2, khối 14, đường Bà Triệu	- Tel: (025)3 718 545	- Fax: (025)3 716 264

Số: 17EA/2013/BCKT - TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2011 của

Công ty Cổ phần FLC Golfnet (hiện nay là Công ty Cổ phần Liên doanh đầu tư quốc tế FLC)

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần FLC Golfnet (nay là Công ty CP Liên doanh đầu tư quốc tế FLC)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần FLC Golfnet (nay là Công ty Cổ phần Liên doanh đầu tư quốc tế FLC) được lập ngày 30 tháng 07 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

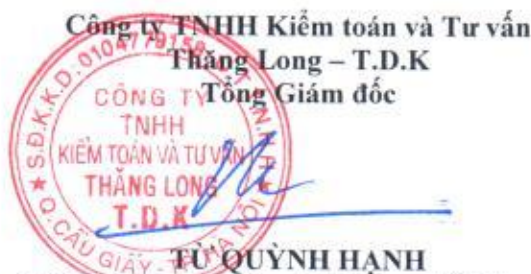
Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần FLC Golfnet (nay là Cổ phần Liên doanh đầu tư quốc tế FLC) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Lưu ý: Báo cáo này thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 17.1A1-2013/BCKT - TC ngày 14 tháng 06 năm 2013. Lý do thay thế được trình bày tại Phụ lục 01 đính kèm.

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2013



TU QUỲNH HẠNH
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0313-2013-045-1

Kiểm toán viên

NGUYỄN TIÊN THÀNH
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1706-2013-045-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
A	Tài sản ngắn hạn	100		69.555.516.443	16.283.569.107
<i>I</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>		<i>112.981.705</i>	<i>141.474.587</i>
1	Tiền	111	V.01	112.981.705	141.474.587
<i>II</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>	<i>V.02</i>	<i>62.040.000.000</i>	<i>13.000.000.000</i>
1	Đầu tư ngắn hạn	121		62.040.000.000	13.000.000.000
<i>III</i>	<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>		<i>5.114.305.780</i>	<i>1.741.056.942</i>
1	Phải thu khách hàng	131	V.03	64.714.055	6.071.751
2	Trả trước cho người bán	132		149.916.725	692.485.191
5	Các khoản phải thu khác	138	V.04	4.899.675.000	1.042.500.000
<i>IV</i>	<i>Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>		<i>937.284.528</i>	<i>352.468.928</i>
1	Hàng tồn kho	141	V.05	937.284.528	352.468.928
<i>V</i>	<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>1.350.944.430</i>	<i>1.048.568.650</i>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	83.482.021	74.762.318
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.090.724.415	931.511.795
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07	176.737.994	42.294.537
B	Tài sản dài hạn	200		10.215.140.095	9.039.657.269
<i>II</i>	<i>Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>9.718.228.178</i>	<i>8.455.782.019</i>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	9.718.228.178	3.243.187.644
	- Nguyên giá	222		10.676.569.734	3.327.412.868
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(958.341.556)	(84.225.224)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	-	5.212.594.375
<i>V</i>	<i>Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>496.911.917</i>	<i>583.875.250</i>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	496.911.917	583.875.250
	Tổng cộng tài sản	270		79.770.656.538	25.323.226.376

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

	Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	Nợ phải trả	300		76.553.615.790	22.187.473.122
<i>I</i>	<i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>76.553.615.790</i>	<i>22.187.473.122</i>
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	69.050.000.000	12.500.000.000
2	Phải trả người bán	312	V.12	475.808.281	695.584.497
3	Người mua trả tiền trước	313		22.790.509	0
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	26.952.776	8.884.048
5	Phải trả người lao động	315		98.125.890	90.690.777
7	Phải trả nội bộ	317		1.998.350.000	8.393.500.000
9	Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	4.881.588.334	498.813.800
B	Nguồn vốn chủ sở hữu	400		3.217.040.748	3.135.753.254
<i>I</i>	<i>Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>	<i>V.15</i>	<i>3.217.040.748</i>	<i>3.135.753.254</i>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		5.000.000.000	5.000.000.000
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(1.782.959.252)	(1.864.246.746)
	Tổng cộng nguồn vốn	440		79.770.656.538	25.323.226.376

Lập, ngày 30 tháng 07 năm 2013

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG

Kế toán trưởng

NGUYỄN PHƯƠNG NGÂN

Tổng Giám đốc



LÊ ĐÌNH VINH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16	3.853.192.993	719.311.752
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.853.192.993	719.311.752
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.17	2.205.389.156	408.103.694
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.647.803.837	311.208.058
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.18	7.638.389.723	1.043.620.932
7. Chi phí tài chính	22	VI.19	5.407.825.000	684.750.000
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.407.825.000</i>	<i>684.750.000</i>
8. Chi phí bán hàng	24		4.486.363	5.788.268
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.794.847.734	657.650.350
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		79.034.463	6.640.372
11. Thu nhập khác	31		2.253.031	12.054.077
12. Chi phí khác	32		-	1.362.387.715
13. Lợi nhuận khác	40		2.253.031	(1.350.333.638)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		81.287.494	(1.343.693.266)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.20	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		81.287.494	(1.343.693.266)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

Lập. ngày 30 tháng 07 năm 2013

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG

Kế toán trưởng

NGUYỄN PHƯƠNG NGÂN

Tổng Giám đốc



LÊ ĐÌNH VINH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	1	81.287.494	(1.343.693.266)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	2	874.116.332	84.225.224
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(7.638.389.723)	-
- Chi phí lãi vay	6	5.407.825.000	684.750.000
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	8	(1.275.160.897)	(574.718.042)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	190.270.085	(433.763.798)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(584.815.600)	(352.468.928)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(5.605.682.332)	1.076.285.615
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	78.243.630	(353.861.717)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.986.000.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	20	(9.183.145.114)	(638.526.870)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.136.562.491)	(8.672.527.543)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(60.390.000.000)	(13.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	11.350.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.781.214.723	1.120.932
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(47.395.347.768)	(21.671.406.611)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	1.938.933.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	70.200.000.000	20.500.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(13.650.000.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	56.550.000.000	22.438.933.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50= 20+30+40)	50	(28.492.882)	128.999.519
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	141.474.587	12.475.068
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	112.981.705	141.474.587

Lập. ngày 30 tháng 07 năm 2013

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG

Kế toán trưởng



NGUYỄN PHƯƠNG NGÂN

Tổng Giám đốc



LÊ ĐÌNH VINH

W O V X K H U U T I K O T H B N I I G O U T Y N

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Liên doanh đầu tư quốc tế FLC (sau đây viết tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Dịch vụ, Thương mại và Đầu tư Tân Mỹ Đình, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 01 số 0104168889 ngày 18 tháng 09 năm 2009 và thay đổi lần thứ 11 ngày 26 tháng 11 năm 2012.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2011 là: 5.000.000.000 VND (Năm tỷ đồng chẵn).

Cơ cấu vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2011:

Cổ đông góp vốn	Số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	490.000	4.900.000.000	98
Bà Trịnh Thị Minh Huệ	5.000	50.000.000	1
Ông Nguyễn Văn Mạnh	5.000	50.000.000	1
Cộng	500.000	5.000.000.000	100.00

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm);
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan (Chi tiết: Trồng cây, chăm sóc và duy trì cho sân golf);
- Giáo dục thể thao và giải trí (Chỉ hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Hoạt động của đại lý bán vé máy bay;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới . . .);
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Thăm dò quặng theo phương pháp thông lệ và lấy mẫu quặng, quan sát địa chất nơi thăm dò;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Chỉ hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Chi hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Giáo dục nghề nghiệp (Chi hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Khai thác quặng sắt;
- Cung ứng lao động tạm thời (Chi hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Đào tạo cao đẳng (Chi hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động quản lý bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong cửa các cửa hàng chuyên doanh;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Trang trí nội, ngoại thất;
- Dịch vụ lưu trú;
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ : gốm, sứ, thủy tinh, mây tre;
- Buôn bán đồ uống, Buôn bán sản phẩm thuốc lá (Không bao gồm kinh doanh quán Bar, vũ trường, phòng hát karaoke);
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán Bar, vũ trường, phòng hát Karaoke);
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô, bằng đường sắt theo hợp đồng và theo tuyến cố định;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Dịch vụ lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (Không bao gồm kinh doanh quán Bar, vũ trường, phòng hát Karaoke);
- Dịch vụ xoa bóp (không bao gồm châm cứu day ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền);
- Tổ chức hội nghị, hội thảo, hội trợ, triển lãm và các dịch vụ liên quan (trừ các chương trình Nhà nước cấm);
- Dịch vụ hoạt động thể thao, vui chơi giải trí (Trừ loại Nhà nước cấm và không bao gồm kinh doanh quán Bar, vũ trường, phòng hát Karaoke);
- Xuất khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật.

4. Nhân viên

Tổng số cán bộ, nhân viên của Công ty đến ngày 31/12/2011 là 32 người.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

- Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/ 2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DOANH ĐẦU TƯ QUỐC TẾ FLC

Tầng 5, tòa nhà FLC Land Mark Tower, Lê Đức Thọ, Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Thay đổi trong chính sách kế toán, cam kết tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Ngày 06/01/2009 Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (áp dụng từ năm tài chính 2011).

Theo hướng dẫn tại Thông tư này. Ban Giám đốc Công ty đã xem xét và đánh giá các ảnh hưởng của các quy định mới đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và quyết định chưa áp dụng các quy định này trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 với các lý do sau đây

- Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát sinh các công cụ tài chính phức tạp;
- Chưa có hướng dẫn chi tiết trong việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính cũng như việc ghi nhận trên báo cáo tài chính;
- Chưa có cơ sở để đánh giá và xác định mức độ rủi ro cụ thể đối với rủi ro thị trường của rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất và rủi ro thanh toán cũng như hướng dẫn phương thức ghi nhận trên báo cáo tài chính.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được ghi nhận ngay vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

4. Hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành việc bán hàng.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Các khoản phải thu được phân ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Cụ thể như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích lập dự phòng
Trên 06 tháng đến dưới 01 năm	30%
Từ 01 năm đến dưới 02 năm	50%
Từ 02 năm đến dưới 03 năm	70%
Trên 03 năm	100%

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi dựa vào đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

Tại thời điểm 31/12/2011 không có khoản công nợ phải thu nào cần trích lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

6.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

6.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 10 năm
- Máy móc, thiết bị	05 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 06 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư ngắn hạn tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước:

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 2 đến 3 năm.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

Nguyên tắc ghi nhận cổ tức: Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

11. Phân phối lợi nhuận sau thuế và chia cổ tức

Lợi nhuận sau thuế sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt được trích lập các quỹ theo Điều lệ công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội cổ đông, số còn lại có thể chia cho các cổ đông theo tỷ lệ vốn thực góp.

Cổ tức phải trả cho cổ đông được ghi nhận là nợ phải trả khi có quyết định công bố của Hội đồng quản trị.

Quỹ đầu tư phát triển: Mục đích của việc trích lập quỹ là để bổ sung vốn điều lệ cho công ty, đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ sản xuất, trang bị làm việc.

Quỹ dự phòng tài chính: Mục đích của việc trích lập quỹ là để bù đắp các tổn thất về tài sản do các nguyên nhân khách quan gây ra, bù các khoản lỗ do hoạt động kinh doanh không hiệu quả.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

12.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

12.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

12.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

- Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế (nếu có) và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có)
- Thuế suất thuế TNDN hiện hành: 25%.

15. Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DOANH ĐẦU TƯ QUỐC TẾ FLC

Tầng 5, tòa nhà FLC Land Mark Tower, Lê Đức Thọ, Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1	Tiền	Cuối năm		Đầu năm	
	Tiền mặt		70.920.869		123.890.012
	Tiền gửi ngân hàng		42.060.836		17.584.575
	Tiền gửi VND		42.060.836		17.584.575
	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - CN Thanh Xuân		41.363.220		16.886.959
	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN		697.616		697.616
	Cộng		112.981.705		141.474.587
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Cuối năm		Đầu năm	
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
	Đầu tư ngắn hạn khác (Ủy thác đầu tư)	-	62.040.000.000	-	13.000.000.000
	Công ty CP Đầu tư tài chính Ninh Bắc	-	650.000.000	-	6.500.000.000
	Hoàng Thị Thu Hà	-	9.000.000.000	-	-
	Lưu Thanh Huyền	-	8.350.000.000	-	-
	Nguyễn Thị Hồng Dung	-	10.500.000.000	-	-
	Nguyễn Văn Mạnh	-	5.000.000.000	-	-
	Phùng Thị Hoa	-	7.500.000.000	-	-
	Trương Ngọc Tú	-	5.000.000.000	-	-
	Trịnh Thị Thúy Nga	-	7.040.000.000	-	6.500.000.000
	Đào Huyền Trang	-	9.000.000.000	-	-
	Cộng	-	62.040.000.000	-	13.000.000.000
3	Các khoản phải thu khách hàng	Cuối năm		Đầu năm	
	Công ty CP Tập đoàn FLC		58.676.500		0
	Các đối tượng khác		6.037.555		6.071.751
	Cộng		64.714.055		6.071.751
4	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Cuối năm		Đầu năm	
	Lãi vay phải thu		4.899.675.000		1.042.500.000
	Công ty CP Đầu tư tài chính Ninh Bắc		87.825.000		682.500.000
	Hoàng Thị Thu Hà		855.000.000		0
	Lưu Thanh Huyền		793.250.000		0
	Nguyễn Thị Hồng Dung		117.500.000		0

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DOANH ĐẦU TƯ QUỐC TẾ FLC

Tầng 5, tòa nhà FLC Land Mark Tower, Lê Đức Thọ, Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

<i>Nguyễn Văn Mạnh</i>	<i>475.000.000</i>	<i>0</i>
<i>Phùng Thị Hoa</i>	<i>712.500.000</i>	<i>0</i>
<i>Trương Ngọc Tú</i>	<i>475.000.000</i>	<i>0</i>
<i>Trịnh Thị Thúy Nga</i>	<i>528.600.000</i>	<i>360.000.000</i>
<i>Đào Huyền Trang</i>	<i>855.000.000</i>	<i>0</i>
Cộng	<u>4.899.675.000</u>	<u>1.042.500.000</u>
5 Hàng tồn kho	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
- Nguyên liệu, vật liệu	<u>5.584.420</u>	<u>1.013.639</u>
- Hàng hoá	<u>931.700.108</u>	<u>351.455.289</u>
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>937.284.528</u>	<u>352.468.928</u>
6 Chi phí trả trước ngắn hạn	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	<u>83.482.021</u>	<u>74.762.318</u>
Cộng	<u>83.482.021</u>	<u>74.762.318</u>
7 Tài sản ngắn hạn khác	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
- Tạm ứng	<u>176.737.994</u>	<u>42.294.537</u>
Cộng	<u>176.737.994</u>	<u>42.294.537</u>

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình				
Số dư đầu năm	2.551.912.868	721.500.000	54.000.000	3.327.412.868
- Mua trong năm	19.505.500	-	186.571.801	206.077.301
- Đầu tư XDCB hoàn thành	7.143.079.565	-	-	7.143.079.565
Số dư cuối năm	9.714.497.933	721.500.000	240.571.801	10.676.569.734
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	83.582.366	-	642.858	84.225.224
- Khấu hao trong năm	698.269.757	144.300.000	31.546.575	874.116.332
Số dư cuối năm	781.852.123	144.300.000	32.189.433	958.341.556
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH				
1. Tại ngày đầu năm	2.468.330.502	721.500.000	53.357.142	3.243.187.644
2. Tại ngày cuối năm	8.932.645.810	577.200.000	208.382.368	9.718.228.178

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DOANH ĐẦU TƯ QUỐC TẾ FLC

Tầng 5, tòa nhà FLC Land Mark Tower, Lê Đức Thọ, Từ Liêm, Hà Nội

*Báo cáo tài chính**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011***9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Công trình Nhà khu thể thao. sân golf	-	5.212.594.375
Cộng	-	5.212.594.375

10 Chi phí trả trước dài hạn

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
- Chi phí tổ chức lễ khai trương	2.977.071	38.701.929
- Chi phí vệ sinh	389.610	5.064.935
- Thi công phá dỡ nhà hàng Mỹ Phố	3.571.429	46.428.571
- CP Chăm sóc cây cảnh	11.916.667	24.916.667
- Chi phí truyền thông ghi hình	1.621.429	21.078.571
- Thảm đánh golf 3 lớp	71.500.000	149.500.000
- Thùng đựng bóng golf có điều khiển	61.980.555	94.318.235
- Thiết kế nhận dạng thương hiệu	36.400.000	-
- Phần mềm quản lý sân golf	8.888.889	-
- Thiết kế xây dựng Website	38.061.111	-
- Chữ ký số dùng cho sân Tennis	2.220.444	-
- Hệ thống đèn sân Tennis	50.013.333	-
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	207.371.379	203.866.342
Cộng	496.911.917	583.875.250

11 Vay và nợ ngắn hạn

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Vay ngắn hạn VND	69.050.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư tài chính & Địa ốc FLC	69.050.000.000	-
- Công ty TNHH Hải Châu	-	12.500.000.000
Cộng	69.050.000.000	12.500.000.000

12 Phải trả người bán

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Công ty CP Danco	80.712.266	-
Công ty CP Công nghệ 3E Việt Nam	-	16.885.066
Công ty CP Nhất Nam	71.199	-
Công ty CP SIAM- VINAGOLF	9.040.161	176.013.197
Công ty CP Sáng tạo Myspace Việt Nam	-	53.068.400
Công ty CP Thương mại Việt Hưng	1.675.000	-
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Sơn Hoàng	-	1.100.000
Công ty CP Tiệc lưu động Tầm Nhìn Mới	53.237.500	-
Công ty CP XD DV&TM Thái Hà	-	116.655.000
Công ty CP ĐT và SX CN-XN kết cấu thép XD	234.687.602	39.680.600

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DOANH ĐẦU TƯ QUỐC TẾ FLC

Tầng 5, tòa nhà FLC Land Mark Tower, Lê Đức Thọ, Từ Liêm, Hà Nội

*Báo cáo tài chính**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011*

Công ty CP Đầu tư HS Golf Việt Nam	-	50.593.601
Công ty TNHH Chế biến lâm sản Phúc Xuân	-	26.731.380
Công ty TNHH DV Bảo vệ VN Thăng Long SEP.24	29.700.000	-
Công ty TNHH EBEST	2.898.000	-
Công ty TNHH Khí đốt Gia Định	2.030.000	1.009.089
Công ty TNHH MTV TM Dịch vụ bảo vệ Phượng Hoàng	-	16.500.000
Công ty TNHH Nội ngoại thất Sóng Việt	-	127.503.914
Công ty TNHH Phân phối Golf Việt Nam	22.348.554	-
Công ty TNHH Phát triển đầu tư và Thương mại AIP	17.399.999	-
Công ty TNHH SXTM&DV Thanh Hồng	-	15.310.000
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hà Thành	358.000	-
Công ty TNHH Tổ chức sự kiện và TT Hoàng Minh	5.500.000	-
Công ty TNHH Vận tải thương mại Mạnh Đức	-	13.750.000
Nguyễn Thị Tuyết Mai	8.000.000	-
Trần Tuấn Mạnh	8.150.000	-
Đỗ Thị Dịu	-	40.784.250
Cộng	475.808.281	695.584.497

13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
13.1. Thuế phải nộp nhà nước	26.952.776	8.884.048
- Thuế giá trị gia tăng	-	5.080.975
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	21.516.118	2.334.073
- Thuế thu nhập cá nhân	5.436.658	1.469.000
Cộng	26.952.776	8.884.048

14 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
- Kinh phí công đoàn	7.223.784	-
- Bảo hiểm xã hội	12.970.050	-
- Bảo hiểm y tế	2.167.500	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.002.000	1.169.000
- Công ty CP Đầu tư tài chính Ninh Bắc	1.050.000.000	-
- Công ty CP Đầu Tư Tài Chính và Địa ốc FLC	3.808.225.000	-
- Công ty TNHH Hải Châu	-	491.250.000
- Phải trả phải nộp khác	-	6.394.800
Cộng	4.881.588.334	498.813.800

15. Vốn chủ sở hữu

15.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	9	10
- Số dư đầu năm trước	5.000.000.000	(520.553.480)	4.479.446.520
- Lỗ trong năm trước		(1.343.693.266)	(1.343.693.266)
- Số dư cuối năm trước	5.000.000.000	(1.864.246.746)	3.135.753.254
- Số dư đầu năm nay	5.000.000.000	(1.864.246.746)	3.135.753.254
- Lãi tăng trong năm		81.287.494	81.287.494
Số dư cuối năm nay	5.000.000.000	(1.782.959.252)	3.217.040.748

15.2 Chi tiết vốn chủ sở hữu

Cổ đông góp vốn	Số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Các công ty, tổ chức (Pháp nhân)	490.000	4.900.000.000	98.00
- Công ty CP Tập đoàn FLC	490.000	4.900.000.000	98.00
Các cá nhân (Thế nhân)	10.000	100.000.000	2.00
- Nguyễn Văn Mạnh	5.000	50.000.000	1.00
- Trịnh Thị Minh Huế	5.000	50.000.000	1.00
Cộng	500.000	5.000.000.000	100.00

15.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	5.000.000.000	5.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	5.000.000.000	5.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	5.000.000.000	5.000.000.000

15.4 Cổ phiếu

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	500.000	500.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán cho công chúng	500.000	500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	500.000	500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	500.000	500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	500.000	500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cộng	500.000	500.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
16 Doanh thu		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.853.192.993	719.311.752
Cộng	3.853.192.993	719.311.752
17 Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp	2.205.389.156	408.103.694
Cộng	2.205.389.156	408.103.694
18 Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.214.723	-
Lãi cho vay, ủy thác đầu tư	7.637.175.000	1.043.620.932
Cộng	7.638.389.723	1.043.620.932
19 Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	5.407.825.000	684.750.000
Cộng	5.407.825.000	684.750.000
20 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi tiêu	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	81.287.494	(1.343.693.266)
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế (Chuyển lỗ)	(1.591.519.475)	-
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế TNDN phải nộp - 25%	-	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan tại thời điểm 31/12/2011 như sau :

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Khoản mục	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty CP Tập đoàn FLC	Công ty mẹ	Phải thu khách hàng	58.676.500
Công ty CP Tập đoàn FLC	Công ty mẹ	Phải trả nội bộ	1.998.350.000

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty cổ phần Golfnet chưa được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập.

Lập, ngày 30 tháng 07 năm 2013

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG

Kế toán trưởng



NGUYỄN PHƯƠNG NGÂN

Tổng Giám đốc



LE DINH VINH

PHỤ LỤC SỐ 01
(Lý do thay thế báo cáo)

Báo cáo này thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 17.1A1-2013/BCKT – TC ngày 14 tháng 06 năm 2013.

Trong báo cáo có thay đổi một số nội dung cụ thể như sau :

- Trong Báo cáo đã sửa một số lỗi kỹ thuật do đánh máy.
- Sửa lại các sai sót do đánh máy về số trang.
- Sửa lại sai sót về số liệu trang 19
- Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Báo cáo này